

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH XUÂN LỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 81 /TTPTQĐ.CNXL

Xuân Lộc, ngày 23 tháng 5 năm 2026

V/v phối hợp thực hiện các thủ tục niêm yết, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án: Các hạng mục bổ sung dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020, đoạn qua xã Xuân Hòa, thành phố Đồng Nai.

Kính gửi: UBND xã Xuân Hòa.

Căn cứ Luật đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026 (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai ban hành quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026.

Căn cứ theo các quy định nêu trên và tình hình thực tế về bồi thường, hỗ trợ dự án Các hạng mục bổ sung dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020, đoạn qua xã Xuân Hòa, Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Xuân Lộc đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ đợt 1 cho **38 trường hợp** hộ gia đình, cá nhân trong tổng số 41 trường hợp bị ảnh hưởng dự án trên địa bàn xã.

Để đảm bảo tiến độ thực hiện dự án và công tác phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện thủ tục lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; niêm yết công khai, thẩm định hồ sơ theo quy định, Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Xuân Lộc kính đề nghị UBND xã Xuân Hòa căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 để “*thực hiện niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi, đăng tải*

trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã là 10 ngày” theo quy định (đính kèm dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ của 38 trường hợp).

Trung tâm phát triển quỹ đất Chi nhánh Xuân Lộc kính đề nghị UBND xã Xuân Hòa phối hợp thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ chung./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TTPTQĐ thành phố (b/c);
- Lưu VT-TTPTQĐ.CNXL (Tâm).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Lê Bảo

Số:/PA-TTPTQĐ.CNXL
(Dự thảo)

Xuân Lộc, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN

**Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất thực hiện các
Hạng mục bổ sung dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan
Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ
cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020,
đoạn qua xã Xuân Hòa (đợt 1).**

Kính gửi: UBND xã Xuân Hòa.

I. Căn cứ pháp lý:

1. Pháp lý chung:

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phần quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà; công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai Quy định về hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026.

2. Pháp lý dự án:

Căn cứ Quyết định số 1201/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020;

Căn cứ các Bản đồ địa chính xã Xuân Hòa do Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Đại Thành đo vẽ được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai kiểm tra nội nghiệp và UBND xã Xuân Hòa xác nhận hiện trạng;

Căn cứ Công văn số 347/VPĐK.XL-TTLT ngày 19/01/2026 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Xuân Lộc về việc cung cấp thông tin các nội dung liên quan về đất (trong đó có vị trí đất) các hạng mục bổ sung dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020, đoạn qua địa bàn các xã Xuân Lộc, Xuân Hòa, Xuân Định, Xuân Định;

Căn cứ Công văn số 243/VPĐK.XL-TTLT ngày 16/5/2026 của Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đồng Nai - Chi nhánh Xuân Lộc về việc kiểm tra lại vị trí đất các hạng mục bổ sung dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020, đoạn qua phường Xuân Lộc và xã Xuân Hòa.

Căn cứ Công văn số 903/UBND-KT ngày 16/5/2026 của UBND xã Xuân Hòa về việc ủy nhanh tiến độ thực hiện bồi thường các hạng mục bổ sung Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông, đoạn qua xã Xuân Hòa;

Trên cơ sở ý kiến đề nghị của UBND xã Xuân Hòa và rà soát hồ sơ kèm theo, Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Xuân Lộc xây dựng phương án dự thảo về bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi ảnh hưởng các Hạng mục bổ sung dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020, đoạn qua xã Xuân Hòa (đợt 1) như sau:

II. Nội dung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

1. Tổng diện tích đất thu hồi

- Tổng diện tích đất thu hồi: 36.566,8 m²
- Tổng diện tích đất nông nghiệp được bồi thường: 36.444,2 m²
(Trong đó có 1.419,6 m² đất trồng lúa)
- Tổng diện tích đất không được bồi thường: 214,9 m²

2. Tổng số người có đất thu hồi

- Tổng số trường hợp: 38 hộ gia đình, cá nhân

3. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (nếu có):

Theo quy định tại điều 13 Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

4. Phương án tái định cư (nếu có): Không có

5. Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi (nếu có): Không có

6. Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi (nếu có): Không có

7. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

*** Tổng giá trị của phương án bồi thường, hỗ trợ: 15.840.393.327 đồng**

Trong đó:

7.1. Giá trị bồi thường, hỗ trợ là: 15.304.727.852 đồng

Bao gồm:

- Bồi thường về đất: 7.247.662.587 đồng
- Bồi thường về nhà ở, vật kiến trúc: 198.734.652 đồng
- Bồi thường về cây trồng: 803.918.633 đồng
- Giá trị về các chính sách hỗ trợ: 6.580.411.980 đồng
- Thuởng chấp hành chủ trương: 474.000.000 đồng

7.2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường: 535.665.475 đồng

Trong đó:

- TTPTQĐ Chi nhánh Xuân Lộc (85%): 455.315.654 đồng
- UBND xã Xuân Hòa (15%): 80.349.821 đồng

(Bảng tổng hợp kèm theo phương án)

8. Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Tổng diện tích đất thu hồi để thực hiện các hạng mục bổ sung đoạn qua địa bàn xã là khoảng **48.278,8 m²** thuộc 72 thửa đất của **43** trường hợp đang quản lý, sử dụng (*trong đó có 41 hộ gia đình, cá nhân và 02 tổ chức là Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh và Công ty An Phú Khánh Sáu*). Các ban ngành UBND xã Xuân Hòa đã phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Xuân Lộc đã tổ chức họp để lấy ý kiến đồng thuận của người dân nhằm bàn giao trước mặt bằng đồng thời với thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng. Đến nay đã ban hành Thông báo thu hồi đất và đã kiểm đếm 46.904,0 m² đất của **42/43** trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng, còn 01 trường hợp ông Hoàng Ngọc Ánh tại ấp Xuân Hưng 3A đang tiếp tục thực hiện; công tác xác nhận nguồn gốc đất, các chính sách hỗ trợ cơ bản đã được hoàn thành.

9. Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản

Đính kèm Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ chi tiết của 38 hộ gia đình, cá nhân

10. Các nội dung khác liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Đề nghị UBND xã Xuân Hòa kiểm tra, rà soát và bổ sung nội dung

BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN VỀ BỐI THƯỜNG, HỒ TRỢ

Dự án: Các hạng mục bổ sung dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020, đoạn qua xã Xuân Hòa, Thành phố Đông Nai

STT	Họ và tên	Diện tích đất thu bồi (m ²)	Diện tích đất bồi thường (m ²)				8	9	10	11	12	13	14	15	16	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và thưởng	Chi chú
			Nông nghiệp		Phi Nông nghiệp												
			Tổng	Trong đó đất trồng lúa	Tổng	Trong đó đất ở											
1	Ông Nguyễn Hữu Trụ, bà Trần Thị Huyền Trang, ông Nguyễn An.	272,80	-	-	-	-	110.361.240,00	-	841.400	-	-	-	2.700.000	12.000.000	125.902.640		
2	Ông Nguyễn Đình Trung	507,50	-	-	-	-	117.004.125,00	-	6.953.706	-	-	-	900.000	16.000.000	140.857.831		
3	Ông Nguyễn Văn Thành	2.435,50	-	-	-	2.435,50	561.504.525,00	-	53.925.510	-	-	-	584.466.750	20.000.000	1.219.896.785		
4	Ông Dương Minh Thuận	676,10	-	-	-	-	155.874.855,00	-	13.577.801	-	-	-	900.000	12.000.000	182.352.656		
5	Bà Nguyễn Thị Hiền	587,30	-	-	-	-	135.402.015,00	-	13.056.472	-	-	-	900.000	12.000.000	161.358.487		
6	Ông Nguyễn Vĩnh Phúc và bà Mai Thị Kim Dung	201,30	-	-	-	-	46.409.715,00	-	2.328.552	-	-	-	1.800.000	8.000.000	58.538.267		
7	Ông Nguyễn Ngọc Hùng và bà Nguyễn Thị Bình Thường	166,10	-	-	-	-	38.294.355,00	-	2.669.066	-	-	-	1.800.000	4.000.000	46.763.421		
8	Ông Phạm Minh Tuấn	374,90	-	-	-	-	86.433.195,00	-	1.461.868	-	-	-	7.200.000	8.000.000	103.095.063		
9	Ông Phạm Việt Thắng	410,50	-	-	-	410,50	94.640.775,00	-	9.509.472	-	-	-	98.804.250	16.000.000	218.954.497		
10	Bà Trịnh Thị Ái Liên	146,30	-	-	-	141,60	59.185.665,00	42.667.044,00	1.018.182	-	-	-	60.159.600	12.000.000	175.030.491		

DVT: đồng



S T T	Họ và tên	Diện tích đất thuê (m ²)	Diện tích đất bồi thường (m ²)				Diện tích đất hỗ trợ (m ²)	Giá trị bồi thường hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường hỗ trợ chi trồng	Giá trị bồi thường hỗ trợ vật nuôi	Giá trị bồi thường hỗ trợ tài sản khác	Bồi thường chi phí di chuyển	Giá trị bồi thường về các chính sách hỗ trợ	Thương đút với người có đất thu hồi ban giao một bằng trước thời hạn	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và thưởng	Chi chú
			Nông nghiệp		Phi nông nghiệp												
			Tổng	Trong đó đất trồng lúa	Tổng	Trong đó đất ở											
1			4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
11	Bà Trần Bé Huỳnh, ông Đào Duy Khanh, ông Đào Duy Hưng, ông Đào Duy Hoàng, ông Đào Duy Hải, bà Đào Ngọc Quy	783,00	783,00	685,1	-	-	-	316.762.650,00	12.724.160,00	19.740.383	-	-	-	5.400.000	16.000.000	370.627.193	
12	Hồ ông Nguyễn Thanh Tiên và bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	204,50	204,50	89,5	-	-	204,50	82.730.475,00	-	228.225	-	-	-	87.383.250	8.000.000	178.341.950	
13	Ông Nguyễn Thanh Sơn nhân hàng cho của ông Nguyễn Nghiêm và bà Nguyễn Thị Xuân	40,50	40,50	40,5	-	-	-	16.384.275,00	-	-	-	-	-	900.000	2.000.000	19.284.275	
14	Ông Nguyễn Thanh Sơn (tài sản xây dựng trên các thửa đất số 11 tờ 167 và thửa đất số 443 tờ 154)	-	-	-	-	-	-	-	6.363.136,00	5.066.003	-	-	-	-	0	11.429.139	
15	Ông Nguyễn Văn Anh cùng sử dụng đất với ông Nguyễn Xuân Hòa	11,90	11,90	11,9	-	-	11,90	4.814.145,00	-	-	-	-	-	6.780.150	2.000.000	13.594.295	
16	Ông Nguyễn Thị và bà Huỳnh Thị Thanh	550,40	550,40	307,6	-	-	550,40	160.399.000,00	139.200,00	1.944.150	-	-	-	167.730.000	16.000.000	346.212.350	
17	Ông Phạm Văn Hoàng và bà Nguyễn Thị Thu	104,90	104,90	-	-	-	104,90	22.815.750,00	-	462.903	-	-	-	25.402.500	4.000.000	52.681.153	
18	Ông Nguyễn Văn Huy	280,90	280,90	-	-	-	-	142.556.750,00	232.000,00	655.890	-	-	-	900.000	12.000.000	156.344.640	
19	Ông Lê Văn Toàn nhân thừa kế quyền sử dụng đất của ông Lê Cơ	289,90	289,90	285,0	-	-	289,90	43.485.000,00	-	-	-	-	-	66.127.500	12.000.000	121.612.500	
20	Bà Phạm Thị Doda, ông Lương Ngọc Phú, bà Lương Thị Vinh, bà Lương Thị Thu Bà	3.129,90	3.129,90	-	-	-	3.129,90	566.455.390,00	-	41.384.102	-	-	-	589.857.300	20.000.000	1.219.696.792	
21	Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh, ông Phạm Minh Hòa, Phạm Minh Hùng, Phạm Minh Tiến, Phạm Việt Cường.	114,80	114,80	-	-	-	83,72	26.467.140,00	30.609.734,00	10.530.733	-	-	-	21.767.220	8.000.000	97.374.827	
22	Ông Nguyễn Văn Hồng và bà Nguyễn Thị Sen	3.208,50	3.208,50	-	-	-	3.208,50	739.719.675,00	371.200,00	14.814.792	-	-	-	767.027.250	20.000.000	1.541.932.917	

STT	Họ và tên	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Diện tích đất bồi thường (m ²)				8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
			Nông nghiệp		Phi Nông nghiệp												
			Tổng	Trong đó đất trồng lúa	Tổng	Trong đó đất ở											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
23	Hồ ông Trần Xuân Tiên	283,20	283,20	-	-	-	283,20	65.291.760,00	-	1.256.451	-	-	-	68.443.200	12.000.000	146.991.411	
24	Ông Nguyễn Duy Tân	19,10	19,10	-	-	-	-	3.323.400,00	-	-	-	-	-	-	2.000.000	5.323.400	
25	Ông Đào Văn Thành và bà Nguyễn Thị Ngưu	2.501,60	2.501,60	-	-	-	2.501,60	446.535.600,00	-	50.205.000	-	-	-	564.660.000	20.000.000	1.081.400.600	
26	Hồ ông Trương Minh	2.948,80	2.948,80	-	-	-	2.948,80	389.506.992,00	-	70.992.123	-	-	-	492.775.200	20.000.000	973.274.315	
27	Ông Nguyễn Thành	268,90	176,60	-	-	-	176,60	43.880.155,00	-	2.497.590	-	-	-	56.211.120	12.000.000	114.588.865	
28	Ông Ngô Quang Ánh và bà Nguyễn Thị Minh Phương	1.377,90	1.255,30	-	-	-	1.255,30	268.885.260,00	12.645.120,00	36.526.902	-	-	-	340.731.000	20.000.000	678.788.282	
29	Ông Nguyễn Công Duy	837,50	837,50	-	-	-	837,50	179.392.500,00	2.038.080,00	15.979.990	-	-	-	227.025.000	16.000.000	440.435.570	
30	Ông Hoàng Ngọc Bích	986,20	986,20	-	-	-	986,20	137.308.626,00	-	35.101.610	-	-	-	173.978.100	16.000.000	362.388.336	
31	Bà Nguyễn Thị Hiền	775,70	775,70	-	-	-	775,70	157.017.168,00	-	7.051.200	-	-	-	198.820.800	16.000.000	378.889.168	
32	Ông Nguyễn Văn Thọ và bà Nguyễn Thị Hải	1.990,10	1.990,10	-	-	-	1.944,68	398.454.840,00	90.944.978,00	112.500.910	-	-	-	491.790.600	20.000.000	1.113.691.328	
33	Ông Lý Sóng và bà Trần Thị An	4.009,00	4.009,00	-	-	-	4.009,00	644.206.500,00	-	80.528.820	-	-	-	813.825.000	20.000.000	1.558.560.320	
34	Ông Ôn Văn Huỳnh	668,40	668,40	-	-	-	-	119.309.400,00	-	2.061.456	-	-	-	900.000	12.000.000	134.270.856	



S T T	Họ và tên	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Diện tích đất bồi thường (m ²)				Diện tích đất bù trợ (m ²)	Giá trị bồi thường, bù trợ về đất	Giá trị bồi thường, bù trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, bù trợ cây trồng	Giá trị bồi thường, bù trợ vật nước	Giá trị bồi thường, bù trợ tài sản khác	Bồi thường chi phí di chuyển	Giá trị về các chính sách bù trợ	Thường đối với người có đất thu hồi bàn giao một băng trước thời hạn	Tổng giá trị bồi thường, bù trợ và thường	Chi chú		
			Nông nghiệp		Phi Nông nghiệp														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18		
35	Bà Nguyễn Thị Ba	415,70	415,70	-	-	-	415,70	54.909.813,00	-	220.430	-	-	-	70.114,050	12.000,000	137.244,293			
36	Ông Nguyễn Văn Vũ	1.325,80	1.325,80	-	-	-	-	236.655.300,00	-	49.876,190	-	-	-	900,000	16.000,000	303.431,490			
37	Chưa xác nhận được người có đất bị thu hồi	813,40	813,40	-	-	-	-	136.480.386,00	-	3.306,450	-	-	-	-	0	139.786,836			
38	Ông Huỳnh Phú Quốc và bà Lê Thị Mỹ Duyên	2.940,30	2.940,30	-	-	-	2.940,30	436.804.172,00	-	135.644,301	-	-	-	581.332,140	20.000,000	1.173.780,613			
TỔNG CỘNG		36.659,10	36.444,20	1.419,5	-	-	29.645,90	7.247.662,587	198.734,652	803.918,633	-	-	-	6.580.411,980	474.000,000	15.304.727,852(a)	535.665,475(b)		
Kính phí của Tổ chức thực hiện bồi thường: (b) = (a) x 3,5%																			
Trong đó: _Kính phí của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Xuân Lộc (85%) (c)=(b) x 85%																			
_Kính phí của UBND xã Xuân Hòa (15%) (d) = (b) x 15%																			
																TỔNG GIÁ TRỊ CỦA PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG: (a+b)		15.840.393,327	